

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
QUÝ II CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ  
QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số Cuối Kỳ	Số Đầu Năm
1	2	3	4	5
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>27.526.491.351</b>	<b>26.082.991.651</b>
<b>I. Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>26.530.529.564</b>	<b>17.211.247.957</b>
1. Tiền	111		26.530.529.564	17.211.247.957
2. Tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		-	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>779.143.028</b>	<b>8.871.743.694</b>
1. Phải thu khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		778.707.345	1.871.113.128
5. Các khoản phải thu khác	135		435.683	7.000.630.566
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>216.818.759</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		216.818.759	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>38.807.979</b>	<b>365.198.708</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.807.979</b>	<b>47.431.983</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		198.807.979	207.431.983
- Nguyên giá	222		329.285.650	329.285.650
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(130.477.671)	(121.853.667)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		(160.000.000)	(160.000.000)
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(160.000.000)	(160.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số Cuối Kỳ	Số Đầu Năm
1	2	3	4	5
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>317.766.725</b>
1. Chi phí trả trước	261			317.766.725
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>27.565.299.330</b>	<b>26.448.190.359</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.005.613.094</b>	<b>341.975.325</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.005.613.094</b>	<b>341.975.325</b>
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		209.277.646	99.981.646
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		1.519.670	2.704.441
5. Phải trả người lao động	315			222.251.238
6. Chi phí phải trả	316			-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		777.777.778	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		17.038.000	17.038.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
12. Quỹ bình ổn	323			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>26.559.686.236</b>	<b>26.106.215.034</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số Cuối Kỳ	Số Đầu Năm
1	2	3	4	5
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(33.440.313.764)	(33.893.784.966)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>27.565.299.330</b>	<b>26.448.190.359</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Mã số	Quý này	Đầu năm
1	2	3	4	5
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		014	-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		015	-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		020	-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác		030	-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác trong nước		031	57.998.089	41.488.299
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài		032	-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư uỷ thác		040	100.000.000.000	123.400.000.000
9.1. Nhà đầu tư uỷ thác trong nước		041	100.000.000.000	123.400.000.000
9.2. Nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài		042	-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư uỷ thác		050	495.369.863	507.452.055
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư uỷ thác		051	487.493.731	213.835.745

Người lập

Lê Phương Linh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Hương Nhung



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Quý II năm 2025*

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý báo cáo	Lũy kế đến cuối quý báo cáo	Quý này năm trước	Lũy kế đến cuối quý này năm trước
A	B	C	1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		776.527.501	1.565.613.452	1.273.285.659	1.534.035.449
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		776.527.501	1.565.613.452	1.273.285.659	1.534.035.449
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		776.527.501	1.565.613.452	1.273.285.659	1.534.035.449
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		47.401	237.571	315.385	348.661
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
8. Chi phí quản lý kinh doanh	25		611.405.576	1.112.379.821	720.641.497	1.155.851.101
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		165.169.326	453.471.202	552.959.547	378.533.009
10. Thu nhập khác	31					
11. Chi phí khác	32				13.649.256	13.649.256
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-	(13.649.256)	(13.649.256)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	IV.09	165.169.326	453.471.202	539.310.291	378.925.964
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		165.169.326	453.471.202	539.310.291	378.925.964
17. Lãi trên cổ phiếu	70		27,53	75,58	89,89	63,15

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*[Handwritten signature]*

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025  
**Tổng Giám đốc**  
  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Cao Minh Hằng*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Phương pháp trực tiếp)**  
 Quý 2 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước
A	B	1	2
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	3.436.034.584	661.304.174
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(48.600.000)	(48.600.000)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(856.097.974)	(642.369.601)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.028.941.600	
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(241.234.174)	(240.250.077)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.319.044.036</b>	<b>(269.915.504)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	237.571	348.511
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>237.571</b>	<b>348.511</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn cho các CSH, mua lại CP của CTy đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay và gốc nợ thuê tài chính	34	-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>9.319.281.607</b>	<b>(269.566.993)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>17.211.247.957</b>	<b>24.356.679.318</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>26.530.529.564</b>	<b>24.087.112.325</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Phương Linh

Đinh Thị Hương Nhung

Cao Minh Thắng



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý II cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm		Số dư cuối kỳ	
	Ngày 01/01/2024	Ngày 01/01/2025	06 tháng đầu năm 2024		06 tháng đầu năm 2025	
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
4. Có phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(34.673.048.336)	(33.893.784.966)	378.925.964	453.471.202	(34.294.122.372)	(33.440.313.764)
<b>Cộng</b>	<b>25.326.951.664</b>	<b>26.106.215.034</b>	<b>378.925.964</b>	<b>453.471.202</b>	<b>-</b>	<b>25.705.877.628</b>
						<b>26.559.686.236</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Phương Linh

Đinh Thị Hương Nhung



<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Quý 2 năm 2025 (VND)</b>	<b>Quý 2 năm 2024 (VND)</b>	<b>Chênh lệch (VND)</b>	<b>Tỷ lệ biến động</b>
Doanh thu	776.527.501	1.273.285.659	(496.758.158)	(63,97)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	776.527.501	1.273.285.659	(496.758.158)	(63,97)
Doanh thu tài chính	47.401	315.385	(267.984)	(565,36)
Chi phí QLDN	611.405.576	720.641.497	(109.235.921)	(17,87)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	165.169.326	539.310.291	(374.140.965)	(226,52)

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Pacific Bridge (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 19 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 13 nhân viên).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 06 nhân viên (số đầu năm là 06 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Công ty quản lý Quỹ được ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### *Tiền gửi của người ủy thác đầu tư*

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi riêng và trình bày ở tài khoản ngoại bảng Cân đối kế toán.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư*

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty và người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được phân loại, bao gồm: phải thu khách hàng, phải thu các hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí thuê văn phòng, internet và chi phí bảo trì phần mềm, là các khoản tiền thuê trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 9. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 11. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 13. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

### 14. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	26.523.964.434	180.771.807
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.565.130	17.030.476.150
<b>Cộng</b>	<b><u>26.530.529.564</u></b>	<b><u>17.211.247.957</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE**

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	17,038,000	17,038,000
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>17,038,000</u></b>	<b><u>17,038,000</u></b>

**10. Vốn chủ sở hữu****10a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	60,000,000,000	(34.673.048.336)	25.326.951.664
Lợi nhuận lũy kế trong kỳ trước		378.925.964	378.925.964
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b><u>60,000,000,000</u></b>	<b><u>(34.294.122.372)</u></b>	<b><u>25.705.877.628</u></b>
Số dư đầu năm nay	60,000,000,000	(33.893.784.966)	26.106.215.034
Lợi nhuận lũy kế trong kỳ này		453.471.202	453.471.202
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b><u>60,000,000,000</u></b>	<b><u>(33.440.313.764)</u></b>	<b><u>26.559.686.236</u></b>

**10b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,000,000	6,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,000,000	6,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,000,000	6,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6,000,000	6,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,000,000	6,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**11. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

<b>Số đầu quý</b>	<b>32.731.374</b>
Tăng trong quý	277.426.598
Giảm trong quý	<u>252.159.883</u>
<b>Tổng</b>	<b><u>57.998.089</u></b>

**12. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

Cổ phiếu, trái phiếu của nhà đầu tư ủy thác trong nước

**13. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ PACIFIC BRIDGE

Địa chỉ: Tầng 6, số 389 Đê La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Là các khoản lãi của nhà đầu tư ủy thác

#### 14. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

Là các khoản phí quản lý danh mục và phí lưu ký của nhà đầu tư ủy thác

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu phí quản lý ủy thác đầu tư

#### 2. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng.

#### 3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	425.919.698	608.802.381	825.886.465	969.176.637
Chi phí khấu hao	4.312.002	8.624.004	8.624.004	8.624.000
Thuế phí và lệ phí	1.018.361	4.554.592	7.233.388	4.825.563
Chi dịch vụ mua ngoài	174.232.617	98.112.393	264.713.066	170.306.774
Chi phí khác bằng tiền	5.922.898	548.127	5.922.898	2.918.127
<b>Cộng</b>	<b>611.405.576</b>	<b>720.641.497</b>	<b>1.112.379.821</b>	<b>1.155.851.101</b>

#### 4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	453.471.202	378.925.964
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	453.471.202	378.925.964
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6,000,000	6,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(75.58)</b>	<b>(63.15)</b>

Lập, ngày 14 tháng 07 năm 2025

Người lập biểu

Lê Phương Linh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Hương Nhung

Tổng Giám Đốc

Cao Minh Thắng



**FINANCIAL STATEMENTS**  
FOR THE SECOND QUARTER OF THE FISCAL YEAR ENDING DECEMBER 31, 2025

**PACIFIC BRIDGE INVESTMENT FUND  
MANAGEMENT JOINT STOCK  
COMPANY**



**PACIFIC BRIDGE CAPITAL COMPANY**

6th Floor, No. 389 De La Thanh Street, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District, Hanoi City  
 Tel: 024.3516.1111 Fax: 024.3684.1111

Form No. B01 - CTQ  
 (Issued in accordance with Circular No.  
 125/2011/TT-BTC  
 dated September 5, 2011 by the Ministry of

**BALANCE SHEET**

As at 30 June 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
1	2	3	4	5
<b>ASSETS</b>				
<b>A. CURRENT ASSETS (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>27.526.491.351</b>	<b>26.082.991.651</b>
<b>I. Cash and cash equivalents</b>	<b>110</b>		<b>26.530.529.564</b>	<b>17.211.247.957</b>
1. Cash	111		26.530.529.564	17.211.247.957
2. Cash equivalents	112			
<b>II. Short-term financial investments</b>	<b>120</b>		-	-
1. Trading securities	121		-	-
3. Provisions for devaluation of trading securities (*)	129		-	-
<b>III. Short-term receivables</b>	<b>130</b>		<b>779.143.028</b>	<b>8.871.743.694</b>
1. Trade receivables	131			
2. Prepayments to suppliers	132		-	-
3. Short-term inter-company receivables	133			
4. Receivables for business operations	134		778.707.345	1.871.113.128
5. Other receivables	135			
6. Other short-term receivables	136		435.683	7.000.630.566
7. Allowance for short-term doubtful debts	137			
<b>IV. Inventories</b>	<b>140</b>			
<b>V. Other current assets</b>	<b>150</b>		<b>216.818.759</b>	-
1. Short-term prepaid expenses	151		216.818.759	
2. Deductible VAT	152			
3. Taxes and other receivables from the State	153		-	-
4. Trading Government bonds	157		-	-
5. Other current assets	158		-	-
<b>B NON-CURRENT ASSETS (200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>38.807.979</b>	<b>365.198.708</b>
<b>I. Long-term receivables</b>	<b>210</b>			
1. Long-term trade receivables	211			
2. Working capital in affiliates	212			
3. Long-term inter-company receivables	213			
4. Other long-term receivables	218			
5. Allowance for long-term doubtful debts (*)	219			
<b>II. Fixed assets</b>	<b>220</b>		<b>38.807.979</b>	<b>47.431.983</b>
1. Tangible fixed assets	221		198.807.979	207.431.983
- Historical cost	222		329.285.650	329.285.650
- Accumulated depreciation (*)	223		(130.477.671)	(121.853.667)
2. Financial leased assets	224		-	-
- Historical cost	225		-	-
- Accumulated depreciation	226		-	-
3. Intangible fixed assets	227		(160.000.000)	(160.000.000)
- Historical cost	228			
- Accumulated depreciation (*)	229		(160.000.000)	(160.000.000)
4. Construction-in-progress	230		-	-
<b>III. Long-term financial investments</b>	<b>250</b>		-	-
1. Investments in subsidiaries	251		-	-
2. Investments in joint ventures and associates	252		-	-

PACIFIC BRIDGE CAPITAL COMPANY

6th Floor, No. 389 De La Thanh Street, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District, Hanoi City  
Tel: 024.3516.1111 Fax: 024.3684.1111

Form No. B01 - C1Q  
(Issued in accordance with Circular No.  
125/2011/TT-BTC  
dated September 5, 2011 by the Ministry of

**BALANCE SHEET**

As at 30 June 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
1	2	3	4	5
3. Other long-term investments	258		-	-
4. Provisions for devaluation of long-term investments (	259		-	-
<b>IV. Other non-current assets</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Long-term prepaid expenses	261			
2. Deferred income tax assets	262			
3. Other non-current assets	263		-	-
<b>TOTAL ASSETS</b>	<b>270</b>		<b>27.565.299.330</b>	<b>26.448.190.359</b>
<b>LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY</b>				
<b>A. LIABILITIES (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.005.613.094</b>	<b>341.975.325</b>
<b>I. Current liabilities</b>	<b>310</b>		<b>1.005.613.094</b>	<b>341.975.325</b>
1. Short-term borrowings	311			
2. Trade payables	312		209.277.646	99.981.646
3. Advances from customers	313		-	-
4. Taxes and other obligations to the State Budget	314		1.519.670	2.704.441
5. Payables to employees	315			222.251.238
6. Accrued expenses	316			-
7. Short-term unearned revenue	318		777.777.778	-
8. Other short-term payables	319		17.038.000	17.038.000
9. Provisions for short-term payables	320			
10. Bonus and welfare funds	322		-	-
11. Trading Government bonds	324			
12. Stabilization Fund	323			
<b>II. Non-current liabilities</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Long-term trade payables	331			
2. Long-term inter-company payables	332			
3. Other long-term payables	333			
4. Long-term borrowings	334			
5. Deferred income tax liability	335			
6. Provisions for severance allowances	336			
7. Provisions for long-term payables	337			
8. Long-term unearned revenue	338			
9. Science and technology development fund	339			
10. Provisions for compensation for investors' loss	359		-	-
<b>B. OWNER'S EQUITY</b>	<b>400</b>		<b>26.559.686.236</b>	<b>26.106.215.034</b>
1. Owner's capital	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Share premiums	412			
3. Other sources of capital	413			
4. Treasury stocks (*)	414			
5. Differences on asset revaluation	415			
6. Foreign exchange differences	416			
7. Investment and development fund	417			
8. Financial reserve fund	418			
9. Other funds	419			

**PACIFIC BRIDGE CAPITAL COMPANY**

6th Floor, No. 389 De La Thanh Street, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District, Hanoi City  
 Tel: 024.3516.1111 Fax: 024.3684.1111

Form No. B01 - C1Q  
 (Issued in accordance with Circular No.  
 125/2011/TT-BTC  
 dated September 5, 2011 by the Ministry of

**BALANCE SHEET**

As at 30 June 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Note	Ending balance	Beginning balance
1	2	3	4	5
10. Retained earnings/(losses)	420		(33.440.313.764)	(33.893.784.966)
<b>TOTAL LIABILITIES AND OWNER'S EQUITY</b>	<b>440</b>		<b>,</b>	<b>26.448.190.359</b>

**OFF-BALANCE SHEET ITEMS**

Items	Note	Code	Ending balance	Beginning balance
1	2	3	4	5
6.8. Securities deposited to secure loans		014	-	-
6.9. Securities correcting transaction errors		015	-	-
7. Undeposited securities of fund management company		020	-	-
8. Deposits of entrusted investors		030	-	-
- Deposits of local entrusted investors		031	32.507.219	41.488.299
- Deposits of overseas entrusted investors		032	224.155	-
9. Investment portfolios of entrusted investors		040	123.400.000.000	123.400.000.000
9.1. Local entrusted investors		041	123.400.000.000	123.400.000.000
9.2. Overseas entrusted investors		042		-
10. Receivables from entrusted investors		050	495.369.863	507.452.055
11. Payables to entrusted investors		051	487.493.731	213.835.746

Preparer

Le Phuong Linh

Chief Accountant

Dinh Thi Huong Nhung

Hanoi, 30 June 2025

General Director

Cao Minh Thang



**PACIFIC BRIDGE CAPITAL COMPANY**

6th Floor, No. 389 De La Thanh Street, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District,  
Hanoi City  
Tel: 024.3516.1111 Fax: 024.3684.1111

Form No. B02 - CTQ  
(Issued in accordance with Circular No. 125/2011/TT-BTC  
dated September 5, 2011 by the Ministry of Finance)

**INCOME STATEMENT**

*For the first quarter of the fiscal year ended 30 June 2025*

Unit: VND

Items	Code	Note	Current year		Previous year	
			Current quarter	Accumulated from the beginning of the year	Previous quarter	Accumulated from the beginning of the previous year
A	B	C	1	2	3	4
1. Revenue	01		776.527.501	1.273.285.659	1.565.613.452	1.534.035.449
2. Revenue deductions	02		-	-	-	-
3. Net revenue (10=01- 02)	10		776.527.501	1.273.285.659	1.565.613.452	1.534.035.449
4. Operating costs, costs of sales	11		-	-	-	-
5. Gross operating profit (20=10 - 11)	20		776.527.501	1.273.285.659	1.565.613.452	1.534.035.449
6. Financial income	21		47.401	315.385	237.571	348.661
7. Financial expenses	22		-	-	-	-
8. General and administration expenses	25		611.405.576	720.641.497	1.112.379.821	1.155.851.101
9. Net operating profit/(loss) (30=20+(21-22)-25)	30		165.169.326	552.959.547	453.471.202	378.533.009
10. Other income	31					14.042.211
11. Other expenses	32			13.649.256		13.649.256
12. Other profit/(loss) (40=31-32)	40		-	(13.649.256)		392.955
13. Total accounting profit/(loss) before tax (50=30+40)	50	IV.09	165.169.326	539.310.291	453.471.202	378.925.964
14. Current income tax	51		-	-		-
15. Deferred income tax	52		-	-	-	-
16. Profit/(loss) after tax (60=50-51-52)	60		165.169.326	539.310.291	453.471.202	378.925.964
17. Basic earnings per share	70		27,53	89,89	75,58	63,15

Preparer

Le Phuong Linh

Chief Accountant

Dinh Thi Huong Nhung

Hanoi, 30 June 2025

General Director



Cao Minh Thang

**PACIFIC BRIDGE CAPITAL COMPANY**

6th Floor, No. 389 De La Thanh Street, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District,  
Hanoi City  
Tel: 024.3516.1111 Fax: 024.3684.1111

**Form No. B03 - CTQ**

Issued in accordance with Circular No.  
125/2011/TT-BTC dated September 5, 2011  
by the Ministry of Finance

**CASH FLOW STATEMENT**

*(Direct method)*

For the first quarter of the fiscal year ended 30 June 2025

Unit: VND

ITEMS	Code	Accumulated from the beginning of the	
		Current year	Previous year
A	B	1	2
<b>I. Cash flows from operating activities</b>			
1. Cash inflows from business operations, service provisions and other income	01	3.436.034.584	661.304.174
2. Cash outflows for business operations and suppliers	02	(48.600.000)	(48.600.000)
3. Cash outflows for employees	03	(856.097.974)	(642.369.601)
4. Interest paid	04		
5. Corporate income tax paid	05		
6. Other cash inflows	06	7.028.941.600	
7. Other cash outflows	07	(241.234.174)	(240.250.077)
<b>Net cash flows from operating activities</b>	<b>20</b>	<b>9.319.044.036</b>	<b>(269.915.504)</b>
<b>II. Cash flows from investing activities</b>			
1. Purchases and construction of fixed assets and other non-current assets	21	-	-
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other non-current assets	22	-	-
3. Cash outflows for buying debt instruments of other entities	23	-	-
4. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities	24	-	-
5. Investments in other entities	25	-	-
6. Withdrawals of investments in other entities	26	-	-
7. Dividends and profits received	27	237.571	348.511
<b>Net cash flows from investing activities</b>	<b>30</b>	<b>237.571</b>	<b>348.511</b>
<b>III. Cash flows from financing activities</b>			
1. Proceeds from issuing stocks, bonds and capital contributions from owners	31	-	-
2. Repayment for capital contributions and re-purchases of stocks already issued	32	-	-
3. Proceeds from short-term and long-term borrowings	33	-	-
4. Repayment for loan principals	34	-	-
5. Dividends and profits paid to the owners	36	-	-
<b>Net cash flows from financing activities</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Net cash flows during the year (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>9.319.281.607</b>	<b>(269.566.993)</b>
<b>Beginning cash and cash equivalents</b>	<b>60</b>	<b>17.211.247.957</b>	<b>24.356.679.318</b>
<b>Effects of fluctuations in foreign exchange rates</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Ending cash and cash equivalents (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>26.530.529.564</b>	<b>24.087.112.325</b>

Preparer

Chief Accountant

Le Phuong Linh

Dinh Thi Huong Nhung



**PACIFIC BRIDGE CAPITAL COMPANY**

Address: 6th Floor, No. 389 De La Thanh Street, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District, Hanoi City  
FINANCIAL STATEMENTS

For the first quarter of the fiscal year ended 31 December 2025

**STATEMENT OF CHANGES IN OWNER'S EQUITY**

For the first quarter of the fiscal year ended 30 June 2025

Unit: VND

ITEMS	Beginning balance		Changes during the year				Ending balance	
	01/01/2024	01/01/2025	First 6 months of 2024		First 6 months of 2025		31/03/2024	31/03/2025
			Increase	Decrease	Increase	Decrease		
1. Owner's capital	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Share premiums	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Other sources of capital	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Treasury stocks	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Differences on asset revaluation	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Foreign exchange differences	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Investment and development fund	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Financial reserve fund	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Other funds	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Retained earnings/(losses)	(34.673.048.336)	(33.893.784.966)	-	378.925.964	453.471.202	(34.294.122.372)	(33.440.313.764)	(33.440.313.764)
<b>Total</b>	<b>25.326.951.664</b>	<b>26.106.215.034</b>	<b>-</b>	<b>378.925.964</b>	<b>453.471.202</b>	<b>-</b>	<b>25.705.877.628</b>	<b>26.559.686.236</b>

Hanoi City, 30 June 2025

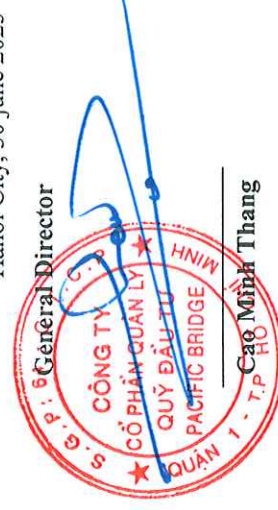
Preparer

Chief Accountant



Le Phuong Linh

Dinh Thi Huong Nhung



## **PACIFIC BRIDGE CAPITAL COMPANY**

Address: 6<sup>th</sup> Floor, No. 389 De La Thanh Street, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District, Hanoi City

FINANCIAL STATEMENTS

For the fiscal year ended 31 December 2024

Notes to the Financial Statements (cont.)

---

### **NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS**

**For the first quarter of the fiscal year ended 31 December 2025**

#### **I. GENERAL INFORMATION**

**1. Ownership form**

Pacific Bridge Capital Company (hereinafter referred to as “the Company”) is a joint stock company.

**2. Operating field**

The Company’s operating field is service.

**3. Principal business activities**

The Company’s principal business activities as in the Licenses are management of securities investment funds, securities investment companies, securities portfolios and securities investment consultancy.

**4. Normal operating cycle**

Normal operating cycle of the Company is within 12 months.

**5. Headcount**

As at 31 March 2025 the Company’s headcount is 19 (as at 31 December 2024: 13).

In which, as at 31 March 2025, there are 6 employees holding fund management practice certificates (as at 31 December 2024: 6).

#### **II. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY**

**1. Fiscal year**

The fiscal year of the Company is from 01 January to 31 December annually.

**2. Accounting currency unit**

The accounting currency unit is Vietnamese Dong (VND) because the Company’s transactions are primarily made in VND.

#### **III. ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM**

**1. Accounting System**

The Company applies the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, the Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 05 September 2011 of the Ministry of Finance providing accounting guidance applicable to fund management companies and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of the Financial Statements.

**2. Statement of the compliance with the Accounting Standards and System**

The General Director ensures to follow all the requirements of the Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, the Circular No. 125/2011/TT-BTC dated 05 September 2011 of the Ministry of Finance providing accounting guidance applicable to fund management companies and relevant statutory requirements on the preparation and presentation of the Financial Statements.

#### **IV. ACCOUNTING POLICIES**

**1. Basis of preparation**

The financial statements have been prepared using the accrual basis of accounting (except for cash flow information).

## 2. Cash and cash equivalents

Cash includes cash on hand and demand deposits in banks. Cash equivalents are short-term investments with high liquidity that are readily convertible to known amounts of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short-term cash commitments rather than for investment or other purposes.

### *Deposits of entrusted investors*

The entrusted investors' deposits are separately monitored and presented in the Off-Balance Sheet.

## 3. Financial investments

### *Trading securities*

Investments classified as trading securities are those held by the Company for the trading purpose with the aim of making profit.

Trading securities are recognized at original costs which include fair value of the payments made at the time of the transaction plus other costs attributable to transaction costs.

The time of recognizing trading securities is when the Company acquires the ownership, as follows:

- For listed securities: recognized at the time of order-matching (T+0).
- For unlisted securities: recognized at the time of acquiring official ownership as stipulated by law.

Interest, dividends and profit of the periods prior to the acquisition of trading securities are deducted to the cost of such securities. Interest, dividends and profit of the periods after the acquisition of such securities are recorded in the Company's financial income. Particularly, the dividends paid in form of shares are not recorded as an increase in value, but the increasing quantity of shares is followed up.

Provisions for devaluation of trading securities are made for each particular type of securities in the market of which the fair value is lower than original costs.

The fair value of trading securities is determined as follows:

- For securities listed on the stock market: the closing price at the most recent trading date by the balance sheet date.
- For shares registered for trading on UPCOM and State-owned enterprises equitized by offering shares for sales to public: the average reference price in the 30 most preceding trading days prior to the balance sheet date, disclosed by Stock Exchange.
- For shares listed on the stock market or shares registered for trading on Upcom without transactions within 30 days prior to the date of provision, the shares which are delisted, canceled or suspended from trading: provision is made based on the losses of the investee at the rate equal to the difference between the actual capital invested by the owners and owner's equity as of the balance sheet date multiplying by the ownership rate over the total actual charter capital invested.

Increases/(decreases) in the provisions for devaluation of trading securities as of the balance sheet date are recorded into financial expenses.

Gain or loss from transfer of trading securities is recognized into financial income or financial expenses. The costs are determined in accordance with the mobile weighted average method.

### *Held-to-maturity investments*

Investments are classified as held-to-maturity investments that the Company intends and is able to hold to maturity. Held-to-maturity investments include term deposits (including debentures and promissory note), bonds, preferred shares that the issuer are required to re-purchase at a certain date in the future and held-to-maturity loans for the purpose of receiving periodical interest as well as other held-to-maturity investments.

Held-to-maturity investments are initially recognized at cost including the acquisition cost and other transaction costs. After initial recognition, these investments are recorded at recoverable value. Interest from these held-to-maturity investments after acquisition date is recognized in the profit or loss on the basis of the interest income to be received. Interest incurred prior to the Company's acquisition of held-to-maturity investments is deducted into costs at the acquisition time.

When there is reliable evidence proving that a part or the whole investment cannot be recovered and the loss is reliably measured, the loss is recognized as financial expenses during the year and directly deducted into the investment costs.

### **Entrusted investment in securities**

The Company receives capital from entrusting investors and conducts securities trading activities on their behalf in accordance with the terms stipulated in the entrusted investment agreements signed between the Company and the

investors. These entrusted investments are recognized at historical cost. In accordance with the terms of the entrusted investment agreements, the entrusting investors assume all risks related to any losses arising from the investment activities, except where such losses result from the Company's breach of contractual obligations. Consequently, the Company does not perform valuation or recognize provisions for impairment of entrusted investments. The Company records entrusted investment-related items in off-balance sheet accounts.

#### 4. Receivables

Receivables are recognized at the carrying amounts less allowances for doubtful debts.

The classification of receivables as trade receivables and other receivables is made according to the following principles:

- Trade receivables reflect receivables concerning the commercial nature arising from purchase and sale transactions between the Company and customers who are independent to the Company.
- Other receivables reflect receivables not concerning the commercial nature and irrelevant to purchase and sale transactions.

Allowance is made for each doubtful debt on the basis of the ages of debts after offsetting against liabilities (if any) or estimated loss as follows:

- As for overdue debts:
  - 30% of the value of debts overdue between 6 months and less than 1 year.
  - 50% of the value of debts overdue between 1 year and less than 2 years.
  - 70% of the value of debts overdue between 2 years and less than 3 years.
  - 100% of the value of debts overdue more than 3 years.
- As for doubtful debts: Allowance is made on the basis of the estimated loss.

Increases/(decreases) in the obligatory allowance for doubtful debts as at the balance sheet date are recorded into general and administration expenses.

#### 5. Prepaid expenses

Prepaid expenses comprise actual expenses incurred and relevant to financial performance in several accounting periods. The Company's prepaid expenses include office rental, internet, and software maintenance fees, which represent prepaid amounts for the portion currently in use by the Company. Rental expenses are allocated on a straight-line method over the lease term.

#### 6. Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are determined by their historical costs less accumulated depreciation. Historical costs of tangible fixed assets include all the expenses paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other expenses arising subsequent to initial recognition are included into historical costs of fixed assets only if it can be clearly demonstrated that the expenditure has resulted in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets. Those which do not meet the above conditions will be recorded into operation costs during the year.

When a tangible fixed asset is sold or disposed, its historical cost and accumulated depreciation are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

Tangible fixed assets are depreciated in accordance with the straight-line method over their estimated useful lives. Depreciations years applied are as follows:

<u>Assets</u>	<u>Years</u>
Office equipment	3

#### 7. Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are determined by their initial costs less accumulated amortization.

Initial costs of intangible fixed assets include all the costs paid by the Company to bring the asset to its working condition for its intended use. Other costs relevant to intangible fixed assets arising subsequent to initial recognition are included into operation costs during the year only if these costs are associated with a specific intangible fixed asset and result in future economic benefits expected to be obtained from the use of these assets.

When an intangible fixed asset is sold or disposed, its initial costs and accumulated amortization are written off, then any gain or loss arising from such disposal is included in the income or the expenses during the year.

The Company's intangible fixed asset only includes computer software. Expenses attributable to computer software, which is not a part associated with the relevant hardware, will be capitalized. Costs of computer software include all the expenses paid by the Company until the date the software is put into use. Computer software is depreciated in accordance with the straight-line method over a period of five years.

#### 8. Payables and accrued expenses

Payables and accrued expenses are recorded for the amounts payable in the future associated with the goods and services received. Accrued expenses are recorded based on reasonable estimates for the amounts payable.

The classification of payables as trade payables, accrued expenses and other payables is made on the basis of following principles:

- Trade payables reflect payables of commercial nature arising from the purchase of goods, services, or assets, of which the seller is an independent entity with the Company.
- Accrued expenses reflect expenses for goods, services received from suppliers or supplied to customers but have not been paid, invoiced or lack of accounting records and supporting documents; pay on leave payable to employees; and accrual of operation expenses.
- Other payables reflect payables of non-commercial nature and irrelevant to purchase, sales of goods or provisions of services.

The payables and accrued expenses are classified as short-term and long-term items in the Balance Sheet on the basis of their remaining term as at the balance sheet date.

#### 9. Owner's equity

##### *Owner's equity*

The contributed capital is recorded according to the actual amounts invested by shareholders.

#### 10. Recognition of sales and income

##### *Sales of service provision*

Sales of service provisions shall be recognized when all of the following conditions are satisfied:

- The amount of sales can be measured reliably. When the contract stipulates that the buyer is entitled to return the services provided under specific conditions, sales is recognized only when these specific conditions are no longer existed and the buyer is not entitled to return the services provided.
- The Corporation received or shall probably receive the economic benefits associated with the provision of services.
- The stage of completion of the transaction at the end of reporting period can be measured reliably.
- The costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

In the case that the services are provided in several accounting periods, the determination of sales is done on the basis of the volume of work done as of the balance sheet date.

##### *Interest*

Interest is recorded, based on the term and the actual interest rate applied in each particular period.

##### *Dividends and profit shared*

Dividends and profit shared is recognized when the Company has the right to receive profit from the capital contribution. Stock dividends are recognized by recording the increase in the number of shares only, without recognizing the value of the shares received.

#### 11. Expenses

Expenses are those that result in outflows of the economic benefits and are recorded at the time of transactions or when incurrence of the transaction is reliable regardless of whether payment for expenses is made or not.

Expenses and their corresponding revenues are simultaneously recognized in accordance with matching principle. In the event that matching principle conflicts with prudence principle, expenses are recognized based on the nature and regulations of accounting standards in order to guarantee that transactions can be fairly and truly reflected.

#### 12. Related parties

A party is considered a related party of the Company in case that party is able to control the Company or to cause material effects on the financial decisions as well as the operations of the Company. A party is also considered a related party of the Company in case that party is under the same control or is subject to the same material effects.

Considering the relationship of related parties, the nature of relationship is focused more than its legal form.

### 13. Segment reporting

A business segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services and that is subject to risks and returns that are different from those of other business segments.

A geographical segment is a distinguishable component of the Company that is engaged in manufacturing or providing products or services within a particular economic environment and that is subject to risks and returns that are different from those of components operating in other economic environments.

The segment information is prepared and presented in conformity with the accounting policies applicable to the preparation and presentation of the Financial Statements of the Company.

### 14. Financial instruments

#### *Financial assets*

The classification of financial assets depends on their nature and purposes and is determined at the date of initial recognition. The financial assets of the Company include cash, trade receivables and other receivables.

At the date of initial recognition, financial assets are recognized at original cost plus other costs directly related to those financial assets.

#### *Financial liabilities*

The classification of financial liabilities depends on their nature and purposes and is determined at the date of initial recognition. The financial liabilities of the Company include trade payables and other payables.

At the date of initial recognition, financial liabilities are recorded at original cost less other costs directly related to those financial liabilities.

#### *Equity instrument*

Equity instrument is the contract which can prove the remaining benefits in the assets of the Company after deducting all of its liabilities.

#### *Offsetting financial instruments*

Financial assets and financial liabilities will be offset against each other and reflected at their net values in the Interim Balance Sheet when, and only when, the Company:

- has a legal right to offset the recognized amounts; and
- has intention either to settle on a net basis, or to recognize the asset and to settle the liability simultaneously.

## V. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INTERIM BALANCE SHEET

### 1. Cash and cash equivalents

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Cash on hand	26,523,964.434	180,771.807
Demand deposits in banks	<u>6,565,130</u>	<u>17,030,476.150</u>
<b>Total</b>	<b><u>26,530,529.564</u></b>	<b><u>17,211,247.957</u></b>

### 2. Trade receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Pacific Bridge Growth Investment Fund (a related party)	380,350.540	1,708,035.794
Other organizations and individuals	<u>398,356.805</u>	<u>163,077.334</u>
<b>Total</b>	<b><u>778,707.345</u></b>	<b><u>1,871,113.128</u></b>

### 3. Other receivables

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Other receivables	<u>435.683</u>	<u>7,000,630.566</u>

<b>Total</b>	<b>435.683</b>	<b>7.000.630.566</b>
--------------	----------------	----------------------

4. **Tangible fixed assets**

Tangible fixed assets comprise fully depreciated management equipment and tools, and a server currently in use.

5. **Intangible fixed assets**

The Company's intangible fixed assets only include computer software which was fully amortized.

6. **Long-term prepaid expenses**

Long-term prepaid expenses for tools, equipment, and office repairs.

7. **Trade payables**

	<b>Ending balance</b>	<b>Beginning balance</b>
Top Globis Corporation	86,240,000	86,240,000
Quang Minh Trading and construction - Investment Joint Stock Company	13,741,646	13,741,646
Geleximco Group – Joint Stock Company	109.296.000	
HVA Company	777.777.778	
<b>Total</b>	<b>987.055.424</b>	<b>99,981,646</b>

8. **Taxes and other obligations to the State Budget**

	<b>Ending balance</b>	<b>Beginning balance</b>
Personal income tax	1.519.670	2.704.441
License duty		
<b>Total</b>	<b>1.519.670</b>	<b>2.704.441</b>

9. **Other short-term payables**

	<b>Ending balance</b>	<b>Beginning balance</b>
Trade Union's expenditure	17,038,000	17,038,000
Social insurance premiums	-	-
Health insurance premiums	-	-
unemployment insurance premiums	-	-
Other short-term payables	-	-
<b>Total</b>	<b>17,038,000</b>	<b>17,038,000</b>

10. **Owner's equity**

10a. *Statement of fluctuations in owner's equity*

	<b>Capital</b>	<b>Retained earnings</b>	<b>Total</b>
Beginning balance of the previous year	60,000,000,000	(34.673.048.336)	25.326.951.664
Profit in the previous period		378.925.964	378.925.964
<b>Ending balance of the previous period</b>	<b>60,000,000,000</b>	<b>34.294.122.372</b>	<b>25.705.877.628</b>
Beginning balance of the current year	60,000,000,000	(33.893.784.966)	26.106.215.034
Profit in the current period		453.471.202	453.471.202
<b>Ending balance of the current period</b>	<b>60,000,000,000</b>	<b>(33.440.313.764)</b>	<b>26.559.686.236</b>

10b. Shares

	<u>Ending balance</u>	<u>Beginning balance</u>
Number of shares registered to be issued	6,000,000	6,000,000
Number of shares sold to the public	6,000,000	6,000,000
- Common shares	6,000,000	6,000,000
- Preferred shares	-	-
Number of shares repurchased	-	-
- Common shares	-	-
- Preferred shares	-	-
Number of outstanding shares	6,000,000	6,000,000
- Common shares	6,000,000	6,000,000
- Preferred shares	-	-

Face value of outstanding shares: VND 10.000.

11. Deposits of entrusted investors

Beginning balance	32.731.374
Increase during the quarter	277.426.598
Decrease during the quarter	<u>252.159.883</u>
<b>Total</b>	<b><u>57.998.089</u></b>

12. Investment portfolios of entrusted investors

Shares and bonds of domestic entrusted investors

13. Receivables from entrusted investors

Interest receivables of entrusted investors.

14. Payables to entrusted investors

Portfolio management and custody fees payables by entrusted investors.

VI. ADDITIONAL INFORMATION ON THE ITEMS OF THE INCOME STATEMENT

1. Revenue

Investment portfolio management fees.

2. Financial income

Bank deposit interest.

3. General and administration expenses

	Quarter 2		Accumulated from the beginning of the year	
	Current year	Previous year	Current year	Previous year
Staff costs	425.919.698	608.802.381	825.886.465	969.176.637
Depreciation/(amortization) of fixed assets	4.312.002	8.624.004	8.624.004	8.624.000
Taxes, fees and legal fees	1.018.361	4.554.592	7.233.388	4.825.563
Expenses for external services	174.232.617	98.112.393	264.713.066	170.306.774
Other expenses	<u>5.922.898</u>	<u>548.127</u>	<u>5.922.898</u>	<u>2.918.127</u>
<b>Total</b>	<b>611.405.576</b>	<b>720.641.497</b>	<b>1.112.379.821</b>	<b>1.155.851.101</b>

4. Basic earnings per share

	Accumulated from the beginning of the year	
	Current year	Previous year
Accounting profit/(loss) after corporate income tax	453.471.202	378.925.964
Adjustments	-	-
Profit/(loss) used to calculate basic earnings per share	453.471.202	378.925.964
The weighted average number of ordinary shares outstanding during the year	6,000,000	6,000,000
<b>Basic earnings per share</b>	<b>(75.58)</b>	<b>(63.15)</b>

Dated 14 July 2025

Preparer

Chief Accountant

General Director



Le Phuong Linh

Dinh Thi Huong Nhung

Cao Minh Thang